TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phụng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Quy
2. Bà Lê Thị Thanh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 2 năm 2023, về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Thái P, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 10, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 2 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Thái P trình bày*:

Anh và chị Vũ Thị Thu H tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L (Giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 23/12//2005).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hòa thuận hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12/2022, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 01/2023, vợ chồng sống ly thân đến nay, chị H về sống chung với gia đình chị ở ấp 6 xã B, còn anh sống với cha mẹ tại ấp 10 xã B. Cả hai vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ được. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

- Về con chung: Có hai con chung, tên Lê Vũ Đăng D, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Lê Vũ Phương K, sinh ngày 15/4/2015.

Hiện hai cháu đang sống với anh, sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D và cháu K. Không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 26/6/2023 anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 5 năm 2023 bị đơn chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Chị và anh P tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Thành, do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian gần dây chị làm ăn thua lỗ số tiền 640.000.000 đồng, gia đình chồng có cho chị 270.000.000 đồng để trả nợ và bắt buộc chị phải ly hôn. chị và anh Phương không có mâu thuẫn gì lớn do mẹ chồng gây ra. Anh P xin ly hôn chị không đồng ý vì chị còn tình cảm với anh P chị mong muốn đoàn tụ để nuôi con.

Về con chung: có hai con chung: Lê Vũ Đăng D, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Lê Vũ Phương K, sinh ngày 15/4/2015

Nếu ly hôn anh P yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chị đồng ý và chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 31/5/2023 chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý nguyên đơn, bị đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để cung cấp lời khai, là thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thái P. Xét cho anh P được ly hôn với

chị H. Giao cháu 02 cháu D, K cho anh P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 23/12//2005) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh P yêu cầu giải quyết ly hôn, chị H không đồng ý.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Tuy nhiên, anh P trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12/2022 đến nay, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân anh P từ tháng 01/2023 đến nay. Sau khi thụ lý đơn Tòa án mời anh P, chị H đến làm việc chị H không đồng ý ly hôn đề nghị đoàn tụ nhưng có đơn xin vắng mặt trong phiên hòa giải và xét xử nên không tiến hành hòa giải được. Xét thấy, chị H xác định tình cảm vợ chồng không có gì trầm trọng do mẹ chồng tác động nên anh P mới xin ly hôn nhưng về phía anh P khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn chị H và vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay không đoàn tụ được chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P, xử cho anh P được ly hôn với chị H.

[3]. Về con chung: Có hai con chung, Lê Vũ Đăng D, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Lê Vũ Phương K, sinh ngày 15/4/2015.

Anh P đề nghị được tiếp tục nuôi hai cháu D và K chị H cũng đồng ý và thống nhất thỏa thuận anh P nuôi con chị H không phải cấp dưỡng.

Xét thấy, trong thời gian sống ly thân anh P chăm sóc tốt cho hai con, cháu D và K đều trên 7 tuổi qua tham khảo ý kiến các cháu đều có nguyện vọng sống với anh Phương, cuộc sống các cháu đã ổn định nên cần căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam giao hai cháu D và K cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

Anh P nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: anh P và chị H đều không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Lê Thái P, xử cho anh P được ly hôn chị Vũ Thị Thu H.

2- Về con chung: Giao hai cháu Lê Vũ Đăng D, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Lê Vũ Phương K, sinh ngày 15/4/2015 cho anh Lê Thái P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm thời, chị Vũ Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Vũ Thị Thu H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Chị H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Hằng thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4- Về án phí: anh Lê Thái P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009011 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh P đã nộp đủ án phí.

5- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 tròn ngày kể từ ngày nhận được được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND xã B (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA